| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1631/2007/QĐ-UBND | *Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2007* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc giao kế hoạch nguồn vốn có mục tiêu năm 2006 chuyển sang thực hiện năm 2007 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2007 tỉnh Thái Nguyên

## UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 17/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào dân tộc và miền núi thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 1102/2006/QĐ-TTg ngày 18/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức đầu tư các dự án thuộc Chương trình 135 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2826/2006/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2007 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 99/HĐND-TH ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc trả lời đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kinh tế xã hội năm 2007;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 572/TTr-SKHĐT ng□y 21/6/2007 về việc giao kế hoạch nguồn vốn kết dư năm 2006 chuyển sang thực hiện năm 2007 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2007 tỉnh Thái Nguyên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao kế hoạch nguồn vốn có mục tiêu năm 2006 chuyển sang thực hiện năm 2007 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2007 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch vốn năm 2006 chuyển sang thực hiện năm 2007:

Tổng số kinh phí giao là: 33.735 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là: 1.196 triệu đồng.

- Vốn Hỗ trợ có mục tiêu là: 610 triệu đồng.

- Các nguồn vốn khác: 31.929 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này).*

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135: *(trang 50 và trang 51 Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

*2.1. Điều chỉnh tên các tiểu dự án* trong dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất đúng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 17/01/2007. Cụ thể:

- Vốn Đầu tư phát triển thực hiện đầu tư cho các hoạt động:

+ Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất;

+ Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị máy móc công cụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

- Vốn Sự nghiệp thực hiện đầu tư cho các hoạt động:

+ Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công;

+ Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất;

+ Chi phí quản lý dự án.

*2.2. Điều chỉnh mức phân bổ vốn cho các huyện* theo Quyết định số 1102/2006/QĐ-TTg ngày 18/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức đầu tư các dự án thuộc Chương trình 135 năm 2006. Cụ thể:

- Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất: Tổng nguồn vốn là: 4.920 triệu đồng.

Trong đó: + Vốn Đầu tư phát triển: 2.050 triệu đồng.

+ Vốn Sự nghiệp: 2.870 triệu đồng.

- Mức hỗ trợ: 120 triệu đồng/xã (bao gồm cả vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp).

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này).*

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư cho các công trình đã phê duyệt quyết toán nguồn ngân sách địa phương: *(Tổng số đã giao tại trang 85 Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên).*

Tổng số: 7.340 triệu đồng, bao gồm 18 công trình đã phê duyệt quyết toán.

*(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2.** Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây

dựng kế hoạch, phương án triển khai cụ thể, nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2007.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**
**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Kim**

**PHỤ LỤC 1**

**GIAO KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2006 CHUYỂN SANG THỰC HIỆN NĂM 2007**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1631/2007/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Nguồn vốn/danh mục dự án | KH vốn kết dư chuyển sang thực hiện năm 2007 | | | Đơn vị thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | |
| | **TỔNG CỘNG** | **33.735** | **32.965** | **770** | |
| **A** | **Chương trình mục tiêu quốc gia** | **1.196** | **1.006** | **190** | |
| **I** | **Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm** | **12** | **12** | | **Sở Lao động - TB và XH** |
| **II** | **Chương trình văn hóa** | **1.162** | **994** | **168** | **Sở Văn hoá Thông tin** |
| 1 | Phục hồi, tôn tạo di tích Nà Mòn | 627 | 627 | | |
| 2 | Dự án Chống xuống cấp và tôn tạo di tích lịch sử ATK Thái Nguyên | 300 | 300 | | |
| 3 | Dự án Tôn tạo khuôn viên di tích đình Làng Quặng | 67 | 67 | | |
| 4 | Dự án Chống xuống cấp di tích Đình Đông | 100 | | 100 | |
| 5 | Dự án Chống xuống cấp di tích Hội Nhà báo Việt Nam | 68 | | 68 | |
| **III** | **Chương trình giáo dục và đào tạo** | **22** | | **22** | **Sở Giáo dục và Đào tạo** |
| **B** | **Hỗ trợ có mục tiêu** | **610** | **610** | | |
| **I** | **Nguồn vốn ATK** | **15** | **15** | | |

| STT | Nguồn vốn/danh mục dự án | KH vốn kết dư chuyển sang thực hiện năm 2007 | | | Đơn vị thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | |
| 1 | Đường vào khu di tích lịch sử Nà Mòn, xã Phú Đình, huyện Định Hoá | 15 | 15 | | UBND huyện Định Hoá |
| **II** | **Đầu tư hạ tầng làng nghề** | **28** | **28** | | |
| 1 | Làng nghề Mây tre đan Ôn Lương, Phú Lương | 28 | 28 | | Sở Thương mại - Du lịch |
| **III** | **Hỗ trợ các công trình TDTT** | **280** | **280** | | |
| 1 | Trả nợ vốn vay Bộ Tài chính | 280 | 280 | | Giao Sở Tài chính làm thủ tục chuyển trả nguồn vốn vay |
| **IV** | **Hỗ trợ vốn đối ứng ODA** | **103** | **103** | | |
| 1 | Dự án ngành cơ sở hạ tầng nông thôn ADB tỉnh Thái Nguyên | 103 | 103 | | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| **V** | **Hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết 37** | **184** | **184** | | |
| 1 | Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên | 184 | 184 | | Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên |
| **C** | **Các nguồn vốn khác** | **31.929** | **31.349** | **580** | |
| **I** | **Đầu tư mục tiêu các dự án quan trọng của Chính phủ** | **14.004** | **14.004** | | |
| 1 | Kè sông Cầu: | | | | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 1.1 | Kè chống lũ, bảo vệ và chỉnh trang bờ sông Cầu TP Thái Nguyên (giai đoạn 1) | 7.400 | 7.400 | | |

| STT | Nguồn vốn/danh mục dự án | KH vốn kết dư chuyển sang thực hiện năm 2007 | | | Đơn vị thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | |
| 1.2 | Đê chống lũ bờ hữu sông Cầu TP Thái Nguyên từ cầu phao Bến Oánh đến Núi Tiện (giai đoạn 2) | 2.000 | 2.000 | | |
| 2 | Kè Hà Châu III - huyện Phổ Yên | 604 | 604 | | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3 | Đê, kè Đô Tân - Vạn Phái, huyện Phổ Yên | 4.000 | 4.000 | | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| **II** | **Sự nghiệp môi trường** | **5.557** | **5.557** | | **Sở Tài nguyên và Môi trường** |
| 1 | Dự án xử lý nước thải Bệnh viện C | 3.444 | 3.444 | | |
| 2 | Dự án xử lý nước thải Bệnh viện Lao và bệnh phổi | 2.113 | 2.113 | | |
| **III** | **Dự án 661** | **518** | **518** | | **(Chưa giao chi tiết)** |
| **IV** | **Chương trình 135** | **11.644** | **11.064** | **580** | |
| 1 | Chương trình 135 bổ sung trong năm 2006 (chuyển sang thực hiện năm 2007) | 5.673 | 5.093 | 580 | |
| | Huyện Đại Từ | 1.300 | 1.200 | 100 | UBND huyện Đại Từ |
| | Huyện Định Hoá | 2.362 | 2.042 | 320 | UBND huyện Định Hoá |
| | Huyện Đồng Hỷ | 397 | 377 | 20 | UBND huyện Đồng Hỷ |
| | Huyện Võ Nhai | 1.494 | 1.354 | 140 | UBND huyện Võ Nhai |
| | Huyện Phú Lương | 120 | 120 | | UBND huyện Phú Lương |

| STT | Nguồn vốn/danh mục dự án | KH vốn kết dư chuyển sang thực hiện năm 2007 | | | Đơn vị thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | |
| 2 | Nguồn vốn dự án trung tâm cụm xã bổ sung năm 2006 (thuộc Chương trình 135) | 5.971 | 5.971 | | |
| a) | Công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán | | | | |
| | Chợ TT cụm xã Điềm Mặc | 116 | 116 | | UBND huyện Định Hoá |
| | TTTM Chợ Lam Vỹ | 120 | 120 | | UBND huyện Định Hoá |
| | Hệ thống điện cụm 3 xã Quy Kỳ - Kim Phượng - Kim Sơn | 30 | 30 | | UBND huyện Định Hoá |
| | Tạo mặt bằng xây dựng TT cụm xã Điềm Mặc | 137 | 137 | | UBND huyện Định Hoá |
| b) | Công trình hoàn thành chưa quyết toán | | | | |
| | TTTM Chợ Sơn Phú | 50 | 50 | | UBND huyện Định Hoá |
| | Đường điện + Trạm biến áp xóm Đăng Mò | 502 | 502 | | UBND huyện Định Hoá |
| | Trường THCS Hợp Tiến | 13 | 13 | | UBND huyện Đồng Hỷ |
| | Đường giao thông TT cụm xã Hợp Tiến | 81 | 81 | | UBND huyện Đồng Hỷ |
| | Trạm Y tế xã Hợp Tiến | 115 | 115 | | UBND huyện Đồng Hỷ |
| | Thiết kế quy hoạch, chuẩn bị đầu tư TT cụm xã Hợp Tiến | 16 | 16 | | UBND huyện Đồng Hỷ |
| c) | Công trình chuyển tiếp | | | | |
| | Đường TT cụm xã Sơn Phú giai đoạn II | 900 | 900 | | UBND huyện Định Hoá |

| STT | Nguồn vốn/danh mục dự án | KH vốn kết dư chuyển sang thực hiện năm 2007 | | | Đơn vị thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Vốn đầu tư phát triển | Vốn sự nghiệp | |
| | Nhà lớp học 8 phòng trường Trung học cơ sở thuộc TTCX Điềm Mặc | 1.000 | 1.000 | | UBND huyện Định Hoá |
| | Phòng khám đa khoa khu vực thuộc TT cụm xã Sơn Phú | 800 | 800 | | UBND huyện Định Hoá |
| | Chợ TT cụm xã Nghinh Tường | 2.093 | 2.093 | | UBND huyện Võ Nhai |
| **V** | **Kiên cố hóa trường lớp học** | **206** | **206** | | |
| 1 | Huyện Đồng Hỷ | 8 | 8 | | UBND huyện Đồng Hỷ |
| 2 | Huyện Phú Lương | 198 | 198 | | UBND huyện Phú Lương |

## PHỤ LỤC 2

## ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 135 TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2007

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1631/2007/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Dự án/danh mục | Tổng số | Đơn vị thực hiện | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | UBND huyện Định Hoá | UBND huyện Võ Nhai | UBND huyện Đại Từ | UBND huyện Đồng Hỷ | UBND huyện Phú Lương | Ban Dân tộc tỉnh |
| | **TỔNG CỘNG CHƯƠNG TRÌNH 135** | **35,436** | **14.501** | **9.383** | **8.530** | **1.706** | **853** | **463** |
| **I** | **Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (Vốn đầu tư phát triển)** | **28.700** | **11.900** | **7.700** | **7.000** | **1.400** | **700** | **-** |
| **II** | **Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất** | **4.920** | **2.040** | **1.320** | **1.200** | **240** | **120** | **-** |
| * | *Vốn đầu tư phát triển* | *2.050* | *850* | *550* | *500* | *100* | *50* | - |
| 1 | Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị máy móc, công cụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch | | | | | | | |
| * | *Vốn sự nghiệp* | *2.870* | *1.190* | *770* | *700* | *140* | *70* | - |
| 1 | Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất | | | | | | | |
| 3 | Chi phí quản lý dự án | | | | | | | |
| **III** | **Dự án đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng (Vốn sự nghiệp)** | **1.640** | **561** | **363** | **330** | **66** | **33** | **287** |
| **IV** | **Hỗ trợ Ban chỉ đạo CT 135 (Vốn sự nghiệp)** | **176** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **176** |

# PHỤ LỤC 3

## ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN TRONG NĂM 2007

## NGUỒN VỐN : NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1631/2007/QĐ-UBND ngày16/8/2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án | Giá trị quyết toán theo QĐ | Kế hoạch đã giao đầu năm 2007 | Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung | Tăng, giảm so với kế hoạch đầu năm | Đơn vị thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng số:** | **31.770** | **34.656** | **34.656** | **-** | |
| 1 | Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Lâu Thượng | 1.086 | - | 286 | 286 | Uỷ ban nhân dân huyện Võ Nhai |
| 2 | Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Nghinh Tường | 1.254 | - | 205 | 205 | Uỷ ban nhân dân huyện Võ Nhai |
| 3 | Quy hoạch chi tiết KCN nhỏ Trúc Mai | 217 | - | 217 | 217 | Uỷ ban nhân dân huyện Võ Nhai |
| 4 | Quy hoạch chi tiết KCN nhỏ Lâu Thượng | 59 | - | 29 | 29 | Uỷ ban nhân dân huyện Võ Nhai |
| 5 | Đường Xuất Tác - Lâm Thùng, xã Phương Giao | 2.263 | - | 1.179 | 1.179 | Uỷ ban nhân dân huyện Võ Nhai |
| 6 | Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Bình Sơn | 1.104 | - | 407 | 407 | Uỷ ban nhân dân thị xã Sông Công |
| 7 | Trụ sở làm việc Thị uỷ và Khối Đoàn thể thị xã Sông Công | 4.959 | 1.250 | 2.729 | 1.479 | Uỷ ban nhân dân thị xã Sông Công |
| 8 | Hạ tầng khu tái định cư An Châu | 1.960 | - | 7 | 7 | Uỷ ban nhân dân thị xã Sông Công |

| STT | Danh mục dự án | Giá trị quyết toán theo QĐ | Kế hoạch đã giao đầu năm 2007 | Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung | Tăng, giảm so với kế hoạch đầu năm | Đơn vị thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Biển hiệu tỉnh Thái Nguyên | 545 | 350 | 545 | 195 | Uỷ ban nhân dân huyện Phổ Yên |
| 10 | Hệ thống điện 0,4KV xã Ôn Lương, huyện Phú Lương | 405 | - | 115 | 115 | Uỷ ban nhân dân huyện Phú Lương |
| 11 | Trạm bơm Đá Lang - Đào Xá, huyện Phú Bình | 470 | - | 56 | 56 | Uỷ ban nhân dân huyện Phú Bình |
| 12 | Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010 có xét đến 2015 | 792 | 150 | 662 | 512 | Sở Công nghiệp |
| 13 | Hồ Làng Hin, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương | 1.790 | - | 19 | 19 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 14 | Hồ Nà Tấc, xã Lam Vỹ, huyện Định Hoá | 7.199 | - | 2.059 | 2.059 | Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn |
| 15 | Nhà lớp học tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng tỉnh Thái Nguyên | 690 | - | 11 | 11 | Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn |
| 16 | Nhà tàng thư, nhà làm việc Ban Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên | 632 | - | 312 | 312 | Công an tỉnh Thái Nguyên |
| 17 | Trường Trung học phổ thông Dương Tự Minh | 3.939 | - | 95 | 95 | Trường Trung học phổ thông Dương Tự Minh |
| 18 | Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong, huyện Phổ Yên | 2.406 | - | 157 | 157 | Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong |
| 19 | Trả nợ phê duyệt quyết toán năm 2007 | | 32.906 | 25.566 | -7.340 | |